TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2023/QĐST-VDS	*Tiên Du, ngày 13 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
"V/v Hủy kết hôn trái pháp luật"
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký TAND huyện Tiên Du.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 15/2023/TLST-VDS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp số: 15/2023/QĐST-VDS ngày 03/7/2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị N, sinh năm 1981 (Có mặt).
2. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1974 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: L, xã K, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Minh H - Chức vụ: Chủ tịch (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và tại phiên họp, chị Lê Thị N trình bày: Ngày 06/12/1997, chị kết hôn với anh Nguyễn Văn G, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống cùng gia đình anh G tại làng K, xã K. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Tại thời điểm đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn G, do không am hiểu pháp luật và không nhớ ngày sinh nên đã đi đăng ký kết hôn khi chị chưa đủ tuổi, thực tế chị sinh ngày 12/12/1981 tuy nhiên trong giấy chứng nhận kết hôn có ghi chị

sinh ngày 02/12/1979 là không đúng. Hiện tại, vợ chồng chị hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Tuy nhiên việc giấy đăng ký kết hôn ghi sinh năm 1979 có ảnh hưởng và gặp vướng mắc về thủ tục hành chính. Do vậy, vợ chồng chị cùng thống nhất làm đơn đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận chị và Nguyễn Văn G là vợ chồng kể từ thời điểm vợ chồng chị đủ tuổi kết hôn theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị sinh được 02 con là Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/02/2000 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2003. Chị không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Văn G trình bày nhất trí với lời trình bày của chị N về thủ tục và điều kiện kết hôn như trên. Vì khi kết hôn chị N khai sinh năm 1979 và anh không biết là chị N sinh năm 1981. Anh nhận thấy việc kết hôn với chị N chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật. Do vậy, anh đồng ý với ý kiến của chị N về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh và chị N kể từ thời điểm chị N đủ tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung, công nợ: Vợ chồng anh vẫn hoà thuận, chung sống với nhau hạnh phúc, hiện nay anh chỉ yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và hiện nay đề nghị công nhận kết hôn cho anh chị tại thời điểm chị N đã đủ tuổi theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Đại diện UBND xã K có văn bản xác định: Qua kiểm tra sổ sách và trong sổ hộ tịch đăng ký kết hôn năm 1997 tại UBND xã K đang lưu trữ không có tên anh Nguyễn Văn G, chị Lê Thị N. Hiện nay anh chị yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị N đủ tuổi theo quy định thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục giải quyết việc dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ Khoản 6, Điều 3, Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 2,3,4

Thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016; Điều 29, 35, 39, 362, 365, 366 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016, đề nghị Toà án: Hủy kết hôn trái pháp luật năm 1997 giữa anh G và chị N và công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn G tại thời điểm chị N đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 12/12/1999.

Chị N, anh G phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp ý kiến của các đương sự và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tại phiên họp nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn G có đơn yêu cầu đề nghị Toà án "Huỷ kết hôn trái pháp luật"; anh chị có cùng địa chỉ: Làng K, xã K, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, anh chị xuất trình giấy chứng nhận kết hôn tại UBND xã K, huyện Tiên Du do đó căn cứ vào Khoản 1, Điều 29; Điểm b, Khoản 2, Điều 35 và Điểm g, Khoản 2, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý giải quyết vụ việc là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục mở phiên họp: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã K, huyện Tiên Du là ông Vũ Minh Hiện đã có văn bản cử người tham gia tố tụng, trình bày ý kiến, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ việc:

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn G xuất trình giấy chứng nhận kết hôn bản gốc ngày 06/12/1997 tại UBND xã K. Trong giấy chứng nhận kết hôn có ghi chị N sinh ngày 02/12/1979, thực tế chị sinh ngày 12/12/1981. Mặc dù UBND xã K lưu trữ sổ sách đăng ký kết hôn năm 1997 nhưng không có tên chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn G trong sổ hộ tịch đăng ký kết hôn.

Theo Căn cước công dân chị Lê Thị N sinh ngày 12/12/1981, trong giấy khai sinh của con gái chị N là cháu Nguyễn Thị Tính và giấy khai sinh của con trai chị N là cháu Nguyễn Văn Tùng thì đều ghi chị Lê Thị N sinh tháng 01/1980. Căn cứ xác nhận của UBND xã K xác định chị Lê Thị N trong các giấy tờ ghi trên các văn bản trên là cùng một người.

Theo như lời trình bày của anh G, chị N thể hiện tại thời điểm làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị N chưa đủ tuổi nên đã khai sai năm sinh để đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, khi đăng ký kết hôn tại UBND xã K, chị N mới được 15 tuổi 11 tháng 25 ngày.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 quy định: *"Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn"*. Như vậy có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 06/12/1997, chị N chưa đủ tuổi kết hôn, việc chị đăng ký kết hôn đã vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Tại thời điểm yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh G và chị N thì chị N đã có đủ điều kiện kết hôn. Vợ chồng anh G chị N sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con và có tài sản chung nhưng vì năm sinh của chị N không khớp nhau đã ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của anh chị và các con. Nay anh chị có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiên Du hủy việc kết hôn trái pháp luật năm 1997 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về con chung và tài sản: Anh G chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Tại phiên họp cả anh G và chị N đều đề nghị Toà án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh chị từ thời điểm chị N đủ tuổi kết hôn. Xét thấy anh chị hiện đang sống chung hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nên công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị N từ ngày 12/12/1999 khi chị N đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự**:** Chị N, anh G phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1, Điều 29; Điểm b, khoản 2, Điều 35; Điểm g, khoản 2, Điều 39; Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5,9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 8, Khoản 2, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn G.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị N theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/12/1997 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị N kể từ ngày 12/12/1999.

Anh Nguyễn Văn G và chị Lê Thị N có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc ghi chú vào Sổ hộ tịch theo Luật hộ tịch.

- *Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự*: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị N, anh G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lại số AA/2021/0002484 ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

- *Quyền kháng cáo, kháng nghị*: Người yêu cầu có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Tiên Du;*
- *Chi cục THADS huyện Tiên Du;*
- *UBND xã K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ việc.*

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyên Thị Lan Hương